



## **C.TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 01 Đường Đinh lễ – P. 12 – Q. 4 – Tp HCM.

Tel: 08. 39.435.447

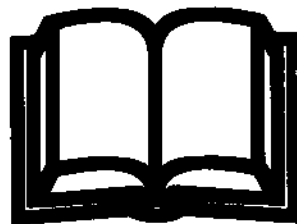
Fax: 08. 39.435.446

[haiminhgroup@vnn.vn](mailto:haiminhgroup@vnn.vn)

[www.haiminh.com.vn](http://www.haiminh.com.vn)

---

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 3 NĂM 2014 ( MÃ CK : HMH )**



Tp. HCM ngày 10 tháng 11 năm 2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/09/2014	Số dư 01/01/2014
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>78,722,041,544</b>	<b>61,581,722,829</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>15,418,908,686</b>	<b>22,135,255,073</b>
1. Tiền	111		10,418,908,686	6,135,255,073
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	16,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20,000,000,000</b>	<b>800,000,000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	20,000,000,000	800,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>37,688,604,018</b>	<b>34,533,820,562</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	24,065,585,860	22,921,252,354
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1,015,896,089	3,037,711,804
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	12,607,122,069	8,574,856,404
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1,140,347,118</b>	<b>399,996,127</b>
Hàng tồn kho	141		1,140,347,118	399,996,127
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4,474,181,722</b>	<b>3,712,651,067</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1,772,646,658	2,384,452,050
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	522,168,451
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		860,774,503	344,190
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1,840,760,561	805,686,376
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>154,346,393,078</b>	<b>174,170,127,776</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>103,389,065,759</b>	<b>94,095,304,487</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	91,150,218,867	73,277,037,997
Nguyên giá	222		133,183,733,425	118,064,244,984
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42,033,514,558)	(44,787,206,987)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1,120,000,000	1,120,000,000
Nguyên giá	228		1,120,000,000	1,120,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		11,118,846,892	19,698,266,490
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>44,545,582,009</b>	<b>74,217,862,972</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	36,945,582,009	67,417,862,972
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	7,600,000,000	6,800,000,000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4,741,280,328</b>	<b>3,629,673,675</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	3,993,330,328	2,881,723,675
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	747,950,000	747,950,000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>1,670,464,982</b>	<b>2,227,286,642</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>233,068,434,622</b>	<b>235,751,850,605</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lê, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý III năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/09/2014	Số dư 01/01/2014
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17,288,439,397</b>	<b>18,856,473,012</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17,176,570,344</b>	<b>18,343,303,959</b>
1. Phải trả người bán	312	V.13	11,175,255,782	13,337,634,191
2. Người mua trả tiền trước	313		20,000,000	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	1,571,007,905	2,092,717,172
4. Phải trả người lao động	315		1,617,880,101	1,048,873,630
5. Chi phí phải trả	316		145,524,031	50,689,891
6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	756,302,539	554,625,703
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,890,599,986	723,309,697
8. Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323		-	535,453,675
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>111,869,053.00</b>	<b>513,169,053.00</b>
1. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	333		-	400,000,000
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		111,869,053	113,169,053
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>214,670,881,656</b>	<b>215,804,139,672</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>214,670,881,656</b>	<b>215,804,139,672</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100,000,000,000	99,998,840,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,928,510,000	1,928,510,000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4,573,065,830)	(4,573,065,830)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		733,424,655	742,424,655
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		6,745,703,936	5,574,565,936
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		109,836,308,895	112,132,864,911
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. Lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>1,109,113,569</b>	<b>1,091,237,921</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>233,068,434,622</b>	<b>235,751,850,605</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/09/2014	Số dư 01/01/2014
Ngoại tệ các loại:				
- Dollar Mỹ (USD)			15,392.25	11,012.79



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2014

NGUYỄN THỊ THỊ HỒNG  
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÈ HÙNG  
Kế toán trưởng

VÕ THỊ THU HƯƠNG  
Người lập biểu

Báo cáo này là một hồ phân hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý III năm 2014

( Có so sánh với số liệu Quý III năm 2013)

Đơn vị tính: VND

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế Quý III		Quý III năm 2013	Lũy kế Quý III năm 2013
			Quý III năm 2014	năm 2014		
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	37,688,539,477	80,136,848,623	23,572,658,340	82,567,219,635
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37,688,539,477	80,136,848,623	23,572,658,340	82,567,219,635
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	30,903,895,334	59,936,767,922	16,501,863,360	58,787,482,069
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,784,644,143	20,200,080,701	7,070,794,980	23,779,737,566
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	776,556,927	2,330,892,081	476,117,196	1,914,569,158
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	168,651,229	281,006,192	71,521,747	101,209,712
Trong đó: chi phí lãi vay	23			135,221,000		-
8 Chi phí bán hàng	24			-		-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2,435,241,316	6,921,472,854	2,403,735,795	7,619,185,150
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,957,308,525	15,328,493,736	5,071,654,634	17,973,911,862
11 Thu nhập khác	31	VI.6	29,090,909	20,999,764,323	90,666,119	1,182,689,608
12 Chi phí khác	32	VI.7	1,316,243	9,191,513,112	400,000	531,106,568
13 Lợi nhuận khác	40		27,774,666	11,808,251,211	90,266,119	651,583,040
14 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		3,977,974,973	12,042,429,105	6,036,762,088	15,486,430,953
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8,963,058,164	39,179,174,052	11,198,682,841	34,111,925,855
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		1,132,467,261	6,031,265,831	1,164,388,794	4,667,159,165
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-		-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7,830,590,903</u>	<u>33,147,908,221</u>	<u>10,034,294,047</u>	<u>29,444,766,690</u>
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		39,740,516	146,661,952	18,252,115	108,150,223
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		<u>7,790,850,387</u>	<u>33,001,246,269</u>	<u>10,016,041,932</u>	<u>29,336,616,467</u>
Trong đó						
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành			9,784,784	9,784,784	9,784,784	9,784,784
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>796.22</u>	<u>3,372.71</u>	<u>1,023.63</u>	<u>2,998.19</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2014



**NGUYỄN THẾ HƯNG**  
Kế toán trưởng

**VÔ THỊ THU HƯƠNG**  
Người lập biểu

Báo cáo này là một hồ phần hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
 Quý III năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)  
 9 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	01/01/14
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		39,179,174,052	44,972,769,396
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02		8,078,952,914	11,339,631,407
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22,389,870,115)	(29,715,036,564)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		24,868,256,851	26,597,364,239
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(20,648,430,201)	(498,853,585)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(740,350,991)	913,930,723
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(9,915,469,241)	(3,743,757,748)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(499,801,261)	(3,388,292,107)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(6,418,915,385)	(5,712,377,499)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		400,000,000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2,537,042,586)	(3,174,503,237)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<b>(15,491,752,814)</b>	<b>10,993,510,786</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14,755,407,584)	(32,593,254,504)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		12,830,909,091	963,454,546
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20,800,000,000)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		800,000,000	-
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(5,759,753,161)	(6,030,950,216)
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		17,440,430,358	1,310,182,500
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		36,232,034,124	22,732,918,968
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<b>25,988,212,828</b>	<b>(13,617,648,706)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17,212,806,401)	(5,707,134,875)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<b>(17,212,806,401)</b>	<b>(5,707,134,875)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>(6,716,346,387)</b>	<b>(8,331,272,795)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60		22,135,255,073	30,466,527,868
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	V.1	<b>15,418,908,686</b>	<b>22,135,255,073</b>



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2014

  
 NGUYỄN THẾ HÙNG  
 Kế toán trưởng

  
 VÕ THỊ THU HƯƠNG  
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2014

MÃU B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là "Công ty").

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ.
- Ngành, nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp

## 4. Công ty con, công ty liên kết

<u>Stt</u>	<u>Tên Công ty</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>
<u>Công ty con</u>		
1	Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	96,08%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	99,92%
<u>Công ty liên kết</u>		
1	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	25,00%
2	Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	49,00%
3	Công ty Cổ Phần Hàng Hải Hưng Phú	40,00%

## 5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 là 45 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 59 người).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2014 thuộc năm tài chính thứ 13 của Công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng Đôla Mỹ (USD) và các ngoại tệ khác trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012. Tỷ giá dùng để quy đổi các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm được áp dụng theo tỷ giá ngân hàng giao dịch (Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN TP.HCM).

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại Tại ngày các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các Tại ngày tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và Tại ngày giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chi tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2014

## Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3. Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty liên kết hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền kiểm soát việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

### 4. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

### 5. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào một Công ty mà phần góp vốn của Công ty chiếm dưới 20% vốn chủ sở hữu của Công ty đó.

### 6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, Công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua Công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của Công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các Công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán Công ty con, Công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

### 7. Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu,



## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, ký quỹ ngắn hạn và khoản đầu tư dài hạn khác.

### ***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

## **8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

## **9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

## **10. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá một năm

## **11. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**

### **12. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6– 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ

### **13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí đầu tư đóng mới sản lan tự hành phục vụ cho mục đích kinh doanh chưa hoàn thành.

### **14. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá hai năm.

### **15. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **16. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty dùng để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động tại Công ty theo quy định hiện hành. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty được trích từ lợi nhuận sau thuế theo Biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 16 tháng 01 năm 2006. Do đó, năm 2012 Công ty không xử lý hoàn nhập theo hướng dẫn tại Thông tư số: 180/2012-TT – BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ tài chính.
- Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý III năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**

### **17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và có xác nhận của khách hàng về dịch vụ đã thực hiện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên Tại ngày các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

### **18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

### **19. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **20. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **21. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: VND	
	Tại ngày 30/9/2014	Tại ngày 01/01/2014
Tiền mặt	1.189.739.939	1.049.926.467
Tiền gửi ngân hàng	7.549.168.747	5.085.328.606
Các khoản tương đương tiền (*)	6.680.000.000	16.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.418.908.686</b>	<b>22.135.255.073</b>
(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 6,5%/năm tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: lãi suất 8%/năm).		
2. Đầu tư ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>800.000.000</b>
Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại cổ phần và tiền cho các bên liên quan vay với lãi suất 6%-7%/năm tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: lãi suất 8%/năm).		
3. Phải thu của khách hàng		
Phải thu khách hàng cung cấp các dịch vụ tại các đơn vị như sau:		
Công ty Cổ phần Hải Minh	9.621.949.295	11.058.831.782
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	7.154.787.838	4.944.704.977
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	7.288.848.727	6.917.715.595
<b>Cộng</b>	<b>24.065.585.860</b>	<b>22.921.252.354</b>
4. Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Hải Minh	410.188.239	2.855.093.337
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	10.086.400	182.618.467
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	595.621.450	-
<b>Cộng</b>	<b>1.015.896.089</b>	<b>3.037.711.804</b>
5. Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Hải Minh	12.140.195.489	8.365.770.257
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	176.480.969	6.703.545
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	290.445.611	202.382.602
<b>Cộng</b>	<b>12.607.122.069</b>	<b>8.574.856.404</b>
6. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Hải Minh	421.192.241	1.539.269.221
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	923.148.001	495.615.241
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	428.306.416	349.567.588
<b>Cộng</b>	<b>1.772.646.658</b>	<b>2.384.452.050</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## 7. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản nhân viên tạm ứng và ký quỹ ngắn hạn tại các đơn vị như sau:

	<u>Tại ngày 30/9/2014</u>	<u>Tại ngày 01/01/2014</u>
Công ty Cổ phần Hải Minh	1.495.330.837	169.771.437
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	158.687.679	519.811.084
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	186.742.045	116.103.855
<b>Cộng</b>	<b><u>1.840.760.561</u></b>	<b><u>805.686.376</u></b>

## 8. Tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2014	46.986.826.725	12.752.962.894	54.646.025.248	547.178.435	3.131.251.682	118.064.244.984
Tăng trong kỳ	15.316.270.734	411.805.821	9.559.252.955	3.261.485.208	208.776.364	28.757.591.082
Giảm trong kỳ	-	-	19.826.433.732	33.998.000	-	19.860.431.732
<b>Tại ngày 30/9/2014</b>	<b><u>62.303.097.459</u></b>	<b><u>13.164.768.715</u></b>	<b><u>44.378.844.471</u></b>	<b><u>3.774.665.643</u></b>	<b><u>3.340.028.046</u></b>	<b><u>126.961.404.334</u></b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2014	13.157.737.828	8.495.790.316	22.518.553.391	510.750.396	104.375.056	44.787.206.987
Tăng trong kỳ	1.622.436.447	452.348.002	2.688.710.715	184.975.181	315.175.170	5.263.645.515
Giảm trong kỳ	18.180.026	-	10.808.909.206	39.554.111	-	10.866.643.343
<b>Tại ngày 30/9/2014</b>	<b><u>14.761.994.249</u></b>	<b><u>8.948.138.318</u></b>	<b><u>14.398.354.900</u></b>	<b><u>656.171.466</u></b>	<b><u>419.550.226</u></b>	<b><u>39.184.209.159</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2014	33.829.088.897	4.257.172.578	32.127.471.857	36.428.039	3.026.876.626	73.277.037.997
Tại ngày 30/9/2014	<b><u>47.541.103.210</u></b>	<b><u>4.216.630.397</u></b>	<b><u>29.980.489.571</u></b>	<b><u>3.118.494.177</u></b>	<b><u>2.920.477.820</u></b>	<b><u>87.777.195.175</u></b>
<b>Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng:</b>						
Tại ngày 01/01/2014	-	-	593.070.000	125.215.073	-	718.285.073
Tại ngày 30/9/2014	-	-	<b><u>593.070.000</u></b>	<b><u>125.215.073</u></b>	-	<b><u>718.285.073</u></b>

## 9. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	<u>Tại ngày 30/9/2014</u>	<u>Tại ngày 01/01/2014</u>
<b>Giá gốc đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b><u>26.045.219.451</u></b>	<b><u>10.742.465.800</u></b>
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	18.175.783.651	3.902.030.000
Công ty TNHH tiếp vận DongBu Hải Minh	7.069.435.800	6.040.435.800
Công ty CP Hàng Hải Hưng Phú	800.000.000	800.000.000
<b>Phần (lô)/lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia</b>	<b><u>10.900.362.558</u></b>	<b><u>56.675.397.172</u></b>
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	10.461.488.537	56.053.436.745
Công ty TNHH tiếp vận DongBu Hải Minh	349.685.919	(249.477.441)
Công ty CP Hàng Hải Hưng Phú	89.188.102	71.437.868
<b>Cộng</b>	<b><u>36.945.582.009</u></b>	<b><u>67.417.862.972</u></b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

*Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 như sau:*

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Giá trị (VND)
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	Tp. Hà Nội	Dịch vụ Tiếp vận	25%	25%	18.175.783.651
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	49%	49%	7.069.435.800
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	Tp. Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	40%	40%	800.000.000
<b>Cộng</b>					<b>26.045.219.451</b>

### 10. Đầu tư dài hạn khác

	Tại ngày 30/9/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.800.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.600.000.000</b>	<b>6.800.000.000</b>

*Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư khác mà Công ty đầu tư dưới 20% vốn điều lệ của các Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 như sau:*

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần vốn sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	Tp. Hồ Nội	Vận tải và xếp dỡ hàng hóa	4%	4%	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	Tp. Hồ Chí Minh	Khai thác cảng biển	10%	10%	1.800.000.000
<b>Cộng</b>					<b>7.600.000.000</b>

(\*) Số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 là 550.000 cổ phiếu (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 500.000 cổ phiếu).

*Thu nhập phát sinh từ các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận:*

	9 tháng đầu năm 2014	9 tháng đầu năm 2013
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	500.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/9/2014	Tại ngày 01/01/2014
Công ty Cổ phần Hải Minh	531.007.419	671.139.368
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.562.396.959	1.037.938.538
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.899.925.950	1.172.645.769
<b>Cộng</b>	<b>3.993.330.328</b>	<b>2.881.723.675</b>

### 12. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ thuê văn phòng	202.950.000	202.950.000
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	540.000.000	540.000.000
Ký quỹ taxi Vinasun	5.000.000	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>747.950.000</b>	<b>747.950.000</b>

### 13. Phải trả người bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	7.735.219.162	8.411.599.714
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	553.133.950	2.990.672.431
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	2.886.902.670	1.935.362.046
<b>Cộng</b>	<b>11.175.255.782</b>	<b>13.337.634.191</b>

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Tại ngày 01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 30/9/2014
<b>I Thuế phải nộp Nhà nước</b>	<b>1.878.955.043</b>	<b>9.276.540.639</b>	<b>10.584.317.315</b>	<b>710.233.402</b>
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	(344.190)	2.666.335.126	3.176.414.246	(510.423.310)
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	974.521.232	6.506.274.301	6.418.915.385	1.061.880.148
3. Các loại thuế khác	312.635.615	696.073.598	988.987.684	158.776.564
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	260.015.974	1.283.524.484	1.590.223.197	(46.682.739)
<i>Thuế nhà Thuế</i>	66.428.980	806.075.759	758.922.219	113.582.520
<i>Thuế môn bài</i>	-	9.000.000	9.000.000	-
4. Tiền thuế đất, thuế nhà đất	199.608.600	684.945.563	792.677.380	91.876.783
<b>II Các khoản phải nộp khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.878.955.043</b>	<b>9.276.540.639</b>	<b>10.584.317.315</b>	<b>710.233.402</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10% dịch vụ, hàng hóa trong nước

0% dịch vụ cước vận tải quốc tế

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo các qui định hiện hành.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

### 15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<b>Tại ngày 30/9/2014</b>	<b>Tại ngày 01/01/2014</b>
Công ty Cổ phần Hải Minh	284.404.390	276.292.530
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	38.363.738	264.462.673
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	433.534.411	13.870.500
<b>Cộng</b>	<b>756.302.539</b>	<b>554.625.703</b>



Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**16. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày đầu năm nay	99.998.840.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	742.424.655	5.574.565.936	112.132.864.911	215.804.139.672
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	33.001.246.269	-	33.001.246.269
Tặng khác	1.160.000	-	-	-	-	-	1.160.000
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(16.745.052.872)	(16.745.052.872)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.171.138.000	(5.424.932.000)	(4.253.794.000)
Giảm khác	-	-	-	(9.000.000)	-	(1.160.000)	(10.160.000)
Điều chỉnh do xác định lợi tỷ lệ vốn góp của công ty liên kết (do có sự biến động giảm tỷ lệ vốn góp trong công ty liên kết)	-	-	-	-	-	(13.126.657.413)	-
<b>Tại ngày cuối năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>1.928.510.000</b>	<b>(4.573.065.830)</b>	<b>733.424.655</b>	<b>6.745.703.936</b>	<b>109.836.308.895</b>	<b>214.670.881.656</b>

(\*) Vốn chủ sở hữu tăng 1.160.000 đồng tương ứng với 116 cổ phiếu là phát hành cổ phiếu thường năm 2012 làm giảm lợi nhuận chưa phân phối, Công ty chưa ghi nhận.

Trong kỳ, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 số 01-2014/NQ-DHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2014, trong đó có tục được chia cho các cổ đông với tỷ lệ là 17% vốn điều lệ.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng thông qua dự kiến mức chia cổ tức năm 2014 từ 12% đến 17% vốn điều lệ bằng tiền mặt từ nguồn lợi nhuận sau thuế.

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/9/2014			Tại ngày 01/01/2014		
	Tỷ lệ	Cổ phiếu thường	Giá trị VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu thường	Giá trị VND
Ông Nguyễn Quốc Hùng	3,31%	331.038	3.310.380.000	3,31%	331.038	3.310.380.000
Ông Nguyễn Văn Hà	2,64%	263.667	2.636.670.000	2,64%	263.667	2.636.670.000
Bà Nguyễn Thị Bích Huệ	1,21%	120.653	1.206.530.000	1,21%	120.653	1.206.530.000
Ông Nguyễn Thế Quân	3,34%	334.010	3.340.100.000	3,34%	334.010	3.340.100.000
Ông Lý Tiết Dũng	1,52%	152.796	1.527.960.000	3,12%	311.996	3.119.960.000
Bà Nguyễn Mỹ Hai	2,29%	229.004	2.290.040.000	2,29%	229.004	2.290.040.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	2,05%	204.654	2.046.540.000	2,05%	204.654	2.046.540.000
Ông Nguyễn Trung Kiên	2,05%	204.874	2.048.740.000	2,05%	204.874	2.048.740.000
Ông Phùng Văn Quang	2,32%	231.863	2.318.630.000	2,32%	231.863	2.318.630.000
PETER ERIC DENNIS	3,60%	360.392	3.603.920.000	3,24%	324.492	3.244.920.000
FRIKOISSIOTUSRAHASTO						
ELITE (MUTUAL FUND ELITE						
(NON-UCITS))						
TTK GLOBAL RESOURCES PTE.	3,00%	300.000	3.000.000.000	3,00%	300.000	3.000.000.000
LTD.						
Cổ đông khác	70,59%	7.058.731	70.587.310.000	69,09%	6.909.331	69.093.310.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### Cổ phiếu

	Tại ngày 30/9/2014	Tại ngày 01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	215.216	215.216
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.784.784	9.784.784
Cổ phiếu phổ thông	9.784.784	9.784.784
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Chỉ tiêu	Quý III năm 2014	Lũy kế Quý III năm 2014	Quý III năm 2013	Lũy kế Quý III năm 2013
Công ty Cổ phần Hải Minh	10.018.307.323	25.331.642.160	9.276.383.194	28.186.417.326
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	13.516.356.415	30.349.898.985	8.270.982.558	34.069.108.893
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	14.153.875.739	24.455.307.478	6.025.292.588	20.311.693.416
<b>Cộng</b>	<b>37.688.539.477</b>	<b>80.136.848.623</b>	<b>23.572.658.340</b>	<b>82.567.219.635</b>

### 2. Giá vốn hàng bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	7.214.798.743	18.516.814.921	6.698.208.970	19.471.312.692
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	11.039.886.496	15.288.824.554	5.823.253.457	25.390.714.984
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-	-	11.809.479
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	12.649.210.095	26.131.128.447	3.980.400.933	13.913.644.914
<b>Cộng</b>	<b>30.903.895.334</b>	<b>59.936.767.922</b>	<b>16.501.863.360</b>	<b>58.787.482.069</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	757.266.553	2.248.057.447	280.936.758	1.337.342.939
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	4.245.952	28.561.385	79.130.547	216.907.018
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-	75.048.473	230.130.853
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-	18.211.276	89.343.949
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	15.044.422	54.273.249	22.790.142	40.844.399
<b>Cộng</b>	<b>776.556.927</b>	<b>2.330.892.081</b>	<b>476.117.196</b>	<b>1.914.569.158</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

### 4. Chi phí tài chính

Chỉ tiêu	Quý III năm 2014	Lũy kế Quý III năm 2014	Quý III năm 2013	Lũy kế Quý III năm 2013
Công ty Cổ phần Hải Minh	81.151.230	104.994.887	71.521.747	101.197.712
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	87.499.999	176.011.305	-	12.000
<b>Cộng</b>	<b>168.651.229</b>	<b>281.006.192</b>	<b>71.521.747</b>	<b>101.209.712</b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.346.404.488	3.589.053.099	1.234.123.717	3.950.019.613
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	663.222.126	2.052.400.902	687.522.426	2.282.441.490
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-	3.070.545	26.785.726
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-	105.344.121	270.231.580
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	425.614.702	1.280.018.853	373.674.986	1.089.706.741
<b>Cộng</b>	<b>2.435.241.316</b>	<b>6.921.472.854</b>	<b>2.403.735.795</b>	<b>7.619.185.150</b>

### 6. Thu nhập khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	29.090.909	20.705.218.868	3.147.364	741.585.455
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	140.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-	87.518.755	91.104.153
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	-	154.545.455	-	350.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.090.909</b>	<b>20.999.764.323</b>	<b>90.666.119</b>	<b>1.182.689.608</b>

### 7. Chi phí khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	27	9.103.616.867	-	392.079.183
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.114.000	72.962.944	400.000	17.157.457
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-	-	121.869.928
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	202.216	14.933.301	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.316.243</b>	<b>9.191.513.112</b>	<b>400.000</b>	<b>531.106.568</b>

### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	9 tháng đầu năm 2014	9 tháng đầu năm 2013
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm		
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	9.784.784	9.784.784
Số lượng cổ phiếu bán ra trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu mua vào trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	9.784.784	9.784.784
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.790.850.387	10.016.041.932
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>796,22</b>	<b>1.023,63</b>

### 9. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 3/2014 so với quý 3/2013.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2014


**Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**


### 9. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 3/2014 so với quý 3/2013.

Việc chuyển nhượng một phần vốn góp trong C.ty TNHH K-Line (Việt Nam), khiến cho khoản lợi nhuận từ các liên doanh liên kết trong quý 3/2014 mang lại chỉ đạt ( 65,89% ) so với cùng kỳ năm 2013, là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 3/2014 giảm ( 22 % ) so cùng kỳ năm 2013.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2014

  
NGUYỄN THẾ HÙNG  
Tổng Giám đốc

  
NGUYỄN THẾ HÙNG  
Kế toán trưởng

  
VÕ THỊ THU HƯƠNG  
Người lập biểu

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo*